TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ
Ông Hoàng Văn Khiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST–HNGĐ ngày 31-01-2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Hoàng Văn Đ** – sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn Khéo L, xã Lâm T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. Bị đơn: chị **Lục Thị H –** sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn K, xã Lâm T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-01-2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Hoàng Văn Đ trình bày:

Anh và chị Lục Thị H kết hôn vào ngày 08-10-2018 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Lâm T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hòa thuận thường xuyên mâu thuẫn do không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân 03 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm không còn, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung Hoàng Minh D, sinh ngày 10-8-2018, hiện đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn Lục Thị H nhất trí với nội dung anh Đ trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thực tế có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và sống ly thân 03 năm nay. Nay anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, quan điểm của chị là đồng ý.

Về con chung: chị và anh Đáng có 01 con chung như anh Đ trình bày. Sau khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng, chị đồng ý.

Về tài sản và công nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại bản thân chị đang làm việc tại Hải D nên chị có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Hoàng Văn Đ và chị Lục Thị H kết hôn vào ngày 08-10-2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, vợ chồng sống ly thân ba năm nay, không còn quan tâm

đến nhau và cũng không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Tại các lời khai, anh Đ chị H đều xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: anh Đ và chị H có 01 con chung Hoàng Minh D, sinh ngày 10-8-2018. Tại lời khai các đương sự đều có yêu cầu nếu ly hôn anh Hoàng Văn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy nguyện vọng các đương sự là tự nguyện và phù hợp, cần được chấp nhận. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí:* anh Hoàng Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Văn Đ được ly hôn với chị Lục Thị H.

2. Về con chung: giao cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Hoàng Minh D, sinh ngày 10-8- 2018 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lục Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Hoàng Văn Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0003420 ngày 31-01-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự*".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh